TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày: 09/8/2017.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Hà Hữu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hên Thị Hồng Xinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, địa chỉ: số, đường P, Phường, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2017): Ông **Trần Vĩnh K**, sinh năm 1979; địa chỉ: số, đường N, Khóm, Phường, thành phố Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Dương Thị Hồng T**, địa chỉ: số, đường T, Khóm, Phường, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông **Dương Thanh T**, địa chỉ: số 305, đường T, Khóm, Phường, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị N**, địa chỉ: số, đường Đ, Khóm, Phường, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Vĩnh K trình bày:

Bà H và bà T là chỗ quen biết nên bà H có cho bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể: vào tháng 6/2015 bà H cho bà T 140.000.000 đồng, tháng 01/2016 là 100.000.000 đồng, lãi suất khi vay hai bên thỏa thuận 2%/tháng. Đến ngày 11/4/2016, hai bên có ký xác nhận nợ, theo đó số tiền bà T vay của bà H tính đến ngày 11/4/2016 là 240.000.000 đồng và bà T cam kết trong thời hạn 02 tháng sẽ trả hết nợ (từ ngày 11/4/2016 đến 11/6/2016). Nhưng từ ngày ký biên bản xác nhận chốt công nợ cho đến nay, bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà H mặc dù bà H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T cứ hứa hẹn, không thực hiện.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Dương Thị Hồng T trả số tiền còn nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/6/2016 đến ngày 11/7/2017 (sau ngày 11/7/2016 bà H không yêu cầu tính lãi) là 13 tháng (tính tròn) với mức lãi suất 1,125%/tháng với số tiền là 35.100.000 đồng. Tổng cộng là 275.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Dương Thị Hồng T, người làm chứng ông Dương Thanh T, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà bà Dương Thị Hồng T, ông Dương Thanh T, bà Nguyễn Thị N.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào biên bản chốt công nợ thì bà T xác nhận có vay của bà H 240.000.000 đồng hẹn 02 tháng trả. Đến thời hạn trả nợ bà T không thanh toán nợ cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số nợ đã vay nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Dương Thị Hồng T có địa chỉ thường trú tại thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính biên bản xác nhận chốt công nợ ngày 11/4/2016 có chữ ký của bị đơn. Khi thụ lý vụ án Tòa án có tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nội dung thông báo nêu rõ số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả và chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là biên bản xác nhận chốt công nợ ngày 11/4/2016 nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối

gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, sau đó có thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn cũng không có ý kiến gì về chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào Biên bản xác nhận chốt công nợ ngày 11/4/2016 thể hiện bị đơn có nợ của nguyên đơn số tiền vốn 240.000.000 đồng, ngoài ra các bên có thỏa thuận nếu sau ngày 11/6/2016 bị đơn không trả hết số tiền nợ thì bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất 1,125%/tháng, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi được tính như sau: 240.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 13 tháng (từ ngày 11/6/2016 đếng ngày 11/7/2017) = 35.100.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 275.100.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ vốn 240.000.000 đồng và lãi 35.100.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí là 275.100.000 đồng x 5% là 13.755.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471, 474,476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Dương Thị Hồng T có trách trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn 240.000.000 đồng và lãi là 35.100.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 275.100.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa thanh toán xong số tiền trên cho bà H thì hàng tháng bà T còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.675.000 đồng theo biên lai số 000 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

2.2 Bà Dương Thị Hồng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.755.000 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND -TST;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh Bình